

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON NGUYỄN HUỆ
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 08 tháng 07 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 262/TB- MNNH ngày 08/07/2024 của trường Mầm non Nguyễn Huệ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều “về việc phê duyệt dự toán thu- chi ngân sách nhà nước năm 2024”;

Trường Mầm non Nguyễn Huệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện đến quý II năm 2024	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu nộp ngân sách phí, lệ phí	237.100.000	-	#DIV/0!	-
I	Số thu phí, lệ phí	237.100.000	-	-	
1	Học phí	237.100.000	-	-	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	237.100.000	-	-	
1	Học phí	237.100.000	-	-	
1,1	Chi thanh toán cá nhân	192.100.000	-	-	
	Mục 6000: Tiền lương	141.100.000	-	-	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	51.000.000	-	-	
1,2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	45.000.000	-	-	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6700: Công tác phí	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	0	-	#DIV/0!	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	0	-	#DIV/0!	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	45.000.000	-	-	
1,3	Chi khác	-	-	#DIV/0!	
	Mục 7750: Chi khác	-	-	#DIV/0!	
VI	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác	-	0	#DIV/0!	0

VII	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	#DIV/0!	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước			#DIV/0!	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.767.684.000	2.134.381.999	44,77	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.640.106.000	2.071.981.999	44,65	
1.1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.810.355.000</u>	<u>1.807.688.481</u>	47,44	
	Mục 6000: Tiền lương	2.256.509.000	1.002.233.901	44,42	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	-	#DIV/0!	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.012.498.000	528.812.706	52,23	
	Mục 6200: Tiền thưởng	17.724.000	-	-	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	10.000.000	-	-	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	513.624.000	276.641.874	53,86	
1.2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>677.475.000</u>	<u>213.886.018</u>	31,57	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	34.000.000	27.128.447	79,79	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	139.000.000	26.835.000	19,31	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	4.600.000	10.428.971	226,72	
	Mục 6650: Hội nghị	-	-	#DIV/0!	
	Mục 6700: Công tác phí	9.500.000	6.390.000	67,26	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	52.150.400	-	-	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	248.224.600	32.878.000	13,25	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	#DIV/0!	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	190.000.000	110.225.600	58,01	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-		#DIV/0!	
1.3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>152.276.000</u>	<u>50.407.500</u>	33,10	
	Mục 7750: Chi khác	152.276.000	50.407.500	33,10	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	127.578.000	62.400.000	48,91	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	119.808.000	62.400.000	52,08	
	Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu	7.770.000	0	-	

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Bích Nhân





#REF!